

# PHUONG TRANG TMS SPECIAL STEEL CO., LTD

*The official Agent of SeAH CSS in Viet Nam*



PHUONG TRANG

*SINCE 2009*

## COMPANY PROFILE

**Factory:** Lot CN-40.1 Thuan Thanh II Industrial Park, An Binh, Thuan Thanh, Bac Ninh

**Office :** 2<sup>nd</sup> Floor Weeoffice Building, #12 Alley, 45 Tran Thai Tong, Cau Giay, Ha Noi

**Tel:** (024) 3212 1766. **Fax:** (024) 312 1767. **Hotline:** 098.983.1595

**Email:** sales01@thepphuongtrang.com. **Website:** www.thepphuongtrang.com - www.tms.net.vn

## CORPORATE MESSAGE

---

➤ **Vision:**

*Become the perfect supplier - ONE STOP SERVICE, from raw materials to milling and grinding service, precision processing, heat - treatment service.*

➤ **Mission:**

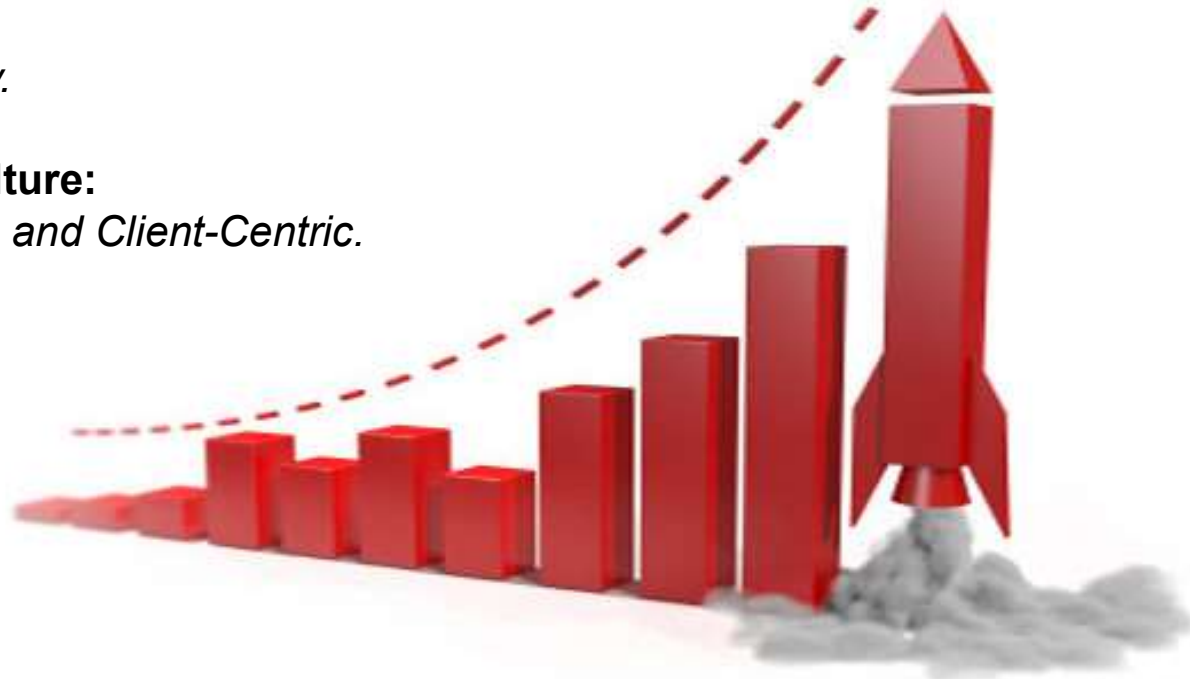
*Provide the fully made, high quality products with reasonable price and perfect service.*

➤ **Core value:**

*Quality – Sincerity.*

➤ **Corporate Culture:**

*Happy employees and Client-Centric.*



## OFFICE AND FACTORY ADDRESS

---

- **Factory:** Lot CN-40.1 Thuan Thanh II IP, An Binh, Thuan Thanh, Bac Ninh
- **Office :** 2<sup>nd</sup> Floor Weeoffice Building, #12 Alley, 45 Tran Thai Tong, Cau Giay, Ha Noi
- **Tel:** (024) 3212 1766. **Fax:** (024) 312 1767. **Hotline:** 098.983.1595.



# MAN POWER

*Phuong Trang TMS has a staff of enthusiastic, dynamic and professional.*

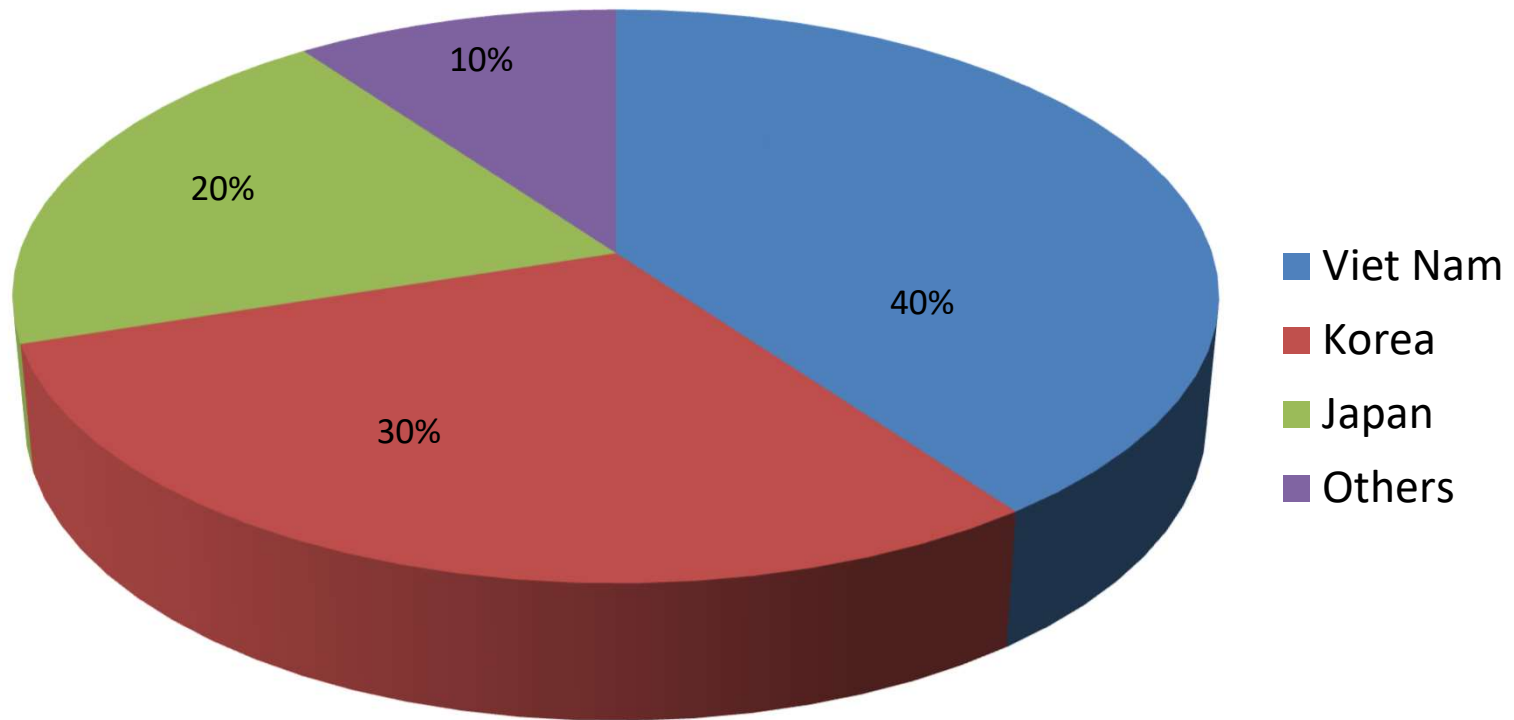
1. OFFICE	Members	2. FACTORY	Members
DIRECTOR	01	MANAGER	01
SALES	08	LEADER	04
ACCOUNT HR	08	WORKER	22
STOCK	02	DRIVER	04
<b>TOTAL</b>	<b>50</b>		



## MARKET SHARE

---

*More than 10 years of operation, Phuong Trang TMS Special Steel Co., Ltd. has become a reputable and reliable supplier of special steels, mold steel, jigs, steel for precision mechanical details selected by domestic and foreign companies.*



## STEEL GRADES













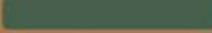












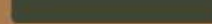
- DuMAC11 (SKD11): cold work
- DuRAH61 (SKD61): hot work
- SKS3: knife
- SKT4: hot forged
- SUJ2: parts, pin
- SKH51: high speed
- SCM440(H): gear, axis, shipbuilding
- S45C: structure
- S50C: mold base, jig
- S55C: plastic mold
- P20: plastic mold
- TP4M: plastic mold
- 2083: plastic mold
- SMAT E: plastic mold
- SMAT V: plastic mold
- NAK80: plastic mold



## MATERIALS-QUALITY MANAGEMENT

- ✓ **Goods receipt:** SeAH tags, color painting, whole pcs coding, area distinction per grade.
- ✓ **Production:** mother bar – balance: tags, color, code - coding, area, shelf.
- ✓ **Q/C on goods issue:** Buyers, grades, sizes and tolerance, code, surface, rectangular, flatness, packing, quantity.

### BẢNG MẪU PHÂN BIỆT MÁC THÉP

STT	TÊN THÉP	MAU PHAN BIET	MÃ MAU	TÊN MAU	STT	TÊN THÉP	MAU PHAN BIET	MÃ MAU	TÊN MAU
1	DuRAH 61 (SKD61)		A211	Màu đỏ/ Red	14	1.2083		A217	Màu xanh táo / Apple green
2	DuMac 11 (SKD11)		A218	Màu vàng/ Yellow	15	S55C		A216	Màu xanh đen / Dark blue
3	SKS3		A214	Màu xanh/ Green	16	DC53		A243	Màu cafe sữa / wool beige
4	P20 (1.2311)		A200	Màu trắng/ White	17	718		A223	Màu xanh ngọc / Turquoise
5	S50C		A210	Màu đen/ Black	18	S45C		A240	Màu tím/ Violet
6	SCM440 (H)		A239	Màu nâu đỏ / Deep red	19	SS400 (CT3)		A212	Màu đen mờ / Flat black
7	SKH51 (YXM1)		A281	Màu xanh lá cây / Machine green	20	OC11 (SKD11 Nhật)		A236	Màu dolphin cá heo / Dolphin
8	SKT4 (1.2714) Hàn Quốc		A225	Màu xanh lá mạ / Doard green	21	KD11 (SKD11 Nhật)		A219	Màu kem/ Cream
9	SKT4 (1.2714) Trung Quốc		A222	Màu nâu sẫm/ Maroon	22	SMAT V		A224	Màu da trời/ Sky blue
10	NAK80-J (Nhật Bản)		A220	Màu xám đậm / Medium grey	23	TP4M HH		A242	Màu xanh mát hồ / River blue
11	NAK80 (Trung Quốc)		A241	Màu vàng nghệ / Medium yellow	24	DuRAH PRO		A215	Màu xám/ Grey
12	SUJ2		A203	Màu trắng Sanyo / Sanyo white	25	SMAT E		A213	Màu xanh nước biển / Blue
13	TP4M		A226	Màu cam/ Orange	26	DuRAH MAX		A268	Màu xanh bò đôi / Olive green

Công Ty TNHH Thép Đặc Biệt Phương Trang TMS

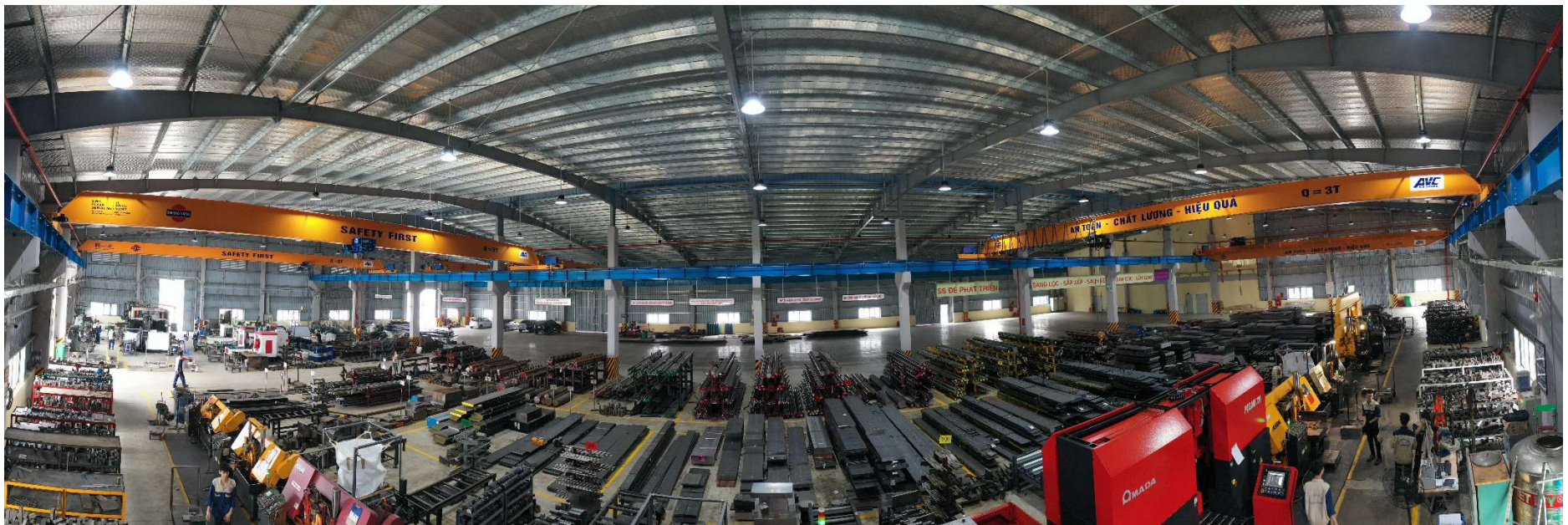
# MATERIALS-QUALITY MANAGEMENT





## FACILITIES

- ❖ *Factory area: 4,000 m<sup>2</sup>*
- ❖ *Inventory: 2,000 tons*
- ❖ *Band saw machines: 11 machines*
- ❖ *Milling machines: 13 machines*
- ❖ *Grinding machines: 03 machines*
- ❖ *CNC oxy gas cutting: 1 machine*



## FACILITIES

### BAND SAW MACHINES

No.	Machine name	Machine maker	Cutting size	Remark
1	S-300HB	Everising / Taiwan	300mm	
2	H-360-HB	Everising / Taiwan	360mm	
3	SH-4242NC	Singular / Taiwan	420mm	
4	SH-5650NC	Singular / Taiwan	560mm	
5	H-7056	Everising / Taiwan	750mm	2 EA
6	SH-7550S	Cosen / Taiwan	750mm	
7	H-8276V	Everising / Taiwan	820mm	
8	H-1613	Everising / Taiwan	1600mm	
9	PCSAW-530X	Amada / Japan	530mm	High speed cutting
10	PCSAW-720	Amada / Japan	720mm	High speed cutting
11	HNC250	Huawei / China	2000mm	CNC oxy gas cutting

# FACILITIES



# FACILITIES

---



## FACILITIES

MILLING MACHINES				
No.	Machine name	Machine maker	Milling size XYZ	Remark
1	MH-3V-OKK	Japan	800x400x350	2 Units
2	Howa SangYo K27	Japan	600x350x400	
3	3UM	Nigata / Japan	1000x400x400	
4	KURAKI VM-5A	Japan	1300x700x650	
5	CNC JZ-700 (Double Head)	JiaZhao / Taiwan	700x700x300	2 Units
6	CH-2515 NC	Chin Yuan Hsing / Taiwan	2500x1500 x700	
7	CNC JZ -1300 (Double Head)	JiaZhao / Taiwan	1310x1310x290	
8	BH-9012MAS	BoHo / Taiwan	1200x900x300	
9	VM-8040NC (Double Table)	Gooda / Taiwan	800x400x400	

# FACILITIES

## MACHINE PICTURE



# FACILITIES

## MACHINE PICTURE



# FACILITIES

GRINDING MACHINES / CNC MACHINES				
No.	Machine name	Machine maker	Grinding size	Remark
1	NIPPEI	Japan	500x1000x400	
2	KENT/KGS-84AHD	Taiwan	400x800x400	
3	Okamoto	Japan	600x1200x550	2 Units
4	GHL-B409N	Japan	900x400x350	New
5	CNC Doosan DNM 5700	Korean	1050x570x510	
6	CNC Mori SEIKI VS40	Japan	600x450x450	
7	CNC Mectron MTV T-351	Japan	500x380x400	
8	Vaccum Furnace EQ - PSG1000/1300	Korean	1200°C	2 Units
9	Tempering Furnace EQ	Korean	850°C	2 Units
10	The conveyor chain is tempered	Korean		

TRANSPORT FACILITIES				
No.	Type	Maker	Load	Remark
1	Truck	THACO	2400kgs	
2	Truck	ISUZU	3000kgs	
3	Truck	ISUZU	3000kgs	
4	Pick up truck	FORD	900kgs	XLS
*	<b>Hoist Crane:</b>	<b>2 MT; 3 MT; 5 MT; 15 MT</b>		



# FACILITIES

## MACHINE PICTURE



# FACILITIES

## MACHINE PICTURE

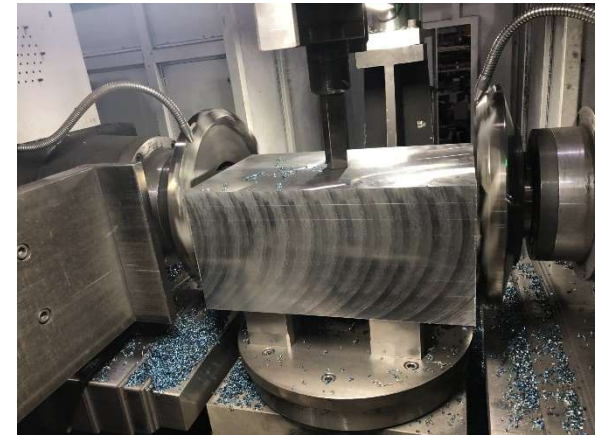


# FACILITIES

---



# PRODUCTION ACTIVITIES





**THANK YOU!**

**SēAH** 세아창원특수강

**PHUONG TRANG**

*SINCE 2009*

Quality - Sincerity